

BÁO CÁO

Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quý III, năm 2023

Thực hiện Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn Phòng Chính phủ về việc quy định chế độ báo cáo định kỳ và quản lý, sử dụng, khai thác hệ thống thông tin báo cáo của Văn Phòng Chính phủ; UBND thị xã Hoài Nhơn báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quý III/2023 trên địa bàn thị xã, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)

1. Đánh giá tác động TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

Trong quý III/2023, HĐND, UBND thị xã không ban hành văn bản quy phạm pháp luật có quy định mới về chính sách, thủ tục hành chính áp dụng trên địa bàn thị xã nên UBND thị xã và các cơ quan tham mưu không thực hiện đánh giá tác động và lấy ý kiến đối với các dự thảo văn bản QPPL.

2. Công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC

UBND thị xã đã chỉ đạo các phòng ban chuyên môn, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của thị xã và UBND các xã, phường cập nhật, niêm yết công khai các quy trình tiếp nhận hồ sơ đúng quy định tại Phụ lục IV Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn Phòng Chính phủ. Nội dung niêm yết theo các Quyết định phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính của UBND tỉnh đã ban hành.

- Tổng số TTHC được công khai: 502 thủ tục (cấp huyện: 344 thủ tục¹; cấp xã: 158 thủ tục²).

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương: 502 thủ tục (cấp huyện: 344 thủ tục; cấp xã: 158 thủ tục).

3. Rà soát, đơn giản hóa TTHC

Cán bộ đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính ở các cấp tiếp tục theo dõi, tiến hành rà soát sự phù hợp của thủ tục hành chính với yêu cầu triển khai dịch vụ công trực tuyến để kịp thời kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ

¹ Trong đó, 108 thủ tục trực tuyến toàn trình, 123 thủ tục trực tuyến 1 phần

² Trong đó, 52 thủ tục trực tuyến toàn trình, 38 thủ tục trực tuyến 1 phần.

hoặc thay thế cho phù hợp với tình hình thực tế yêu cầu cải cách hành chính. Trong quý III/2023, UBND thị xã chỉ đạo các phòng, ban, UBND các xã, phường triển khai rà soát, góp ý thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần theo Văn bản 449/VPUBND-KSTT ngày 14/07/2023 của Văn phòng UBND nhằm triển khai tháo gỡ các điểm nghẽn của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

5. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC

- Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo: 01
- Số phản ánh kiến nghị đã giải quyết và công khai trên cổng quốc gia: 01
- Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 0.

6. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC

*** Cấp huyện:**

+ Tổng số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong kỳ báo cáo: 7.086 hồ sơ. Trong đó: Tiếp nhận trực tiếp và qua BCCI trong kỳ: 4.848 hồ sơ; tiếp nhận trực tuyến: 1.797 hồ sơ; kỳ trước chuyển sang: 441 hồ sơ.

+ Tổng số hồ sơ đã giải quyết: 5.736 hồ sơ (trả trước và đúng hạn: 5.734 hồ sơ, trễ hạn: 1 hồ sơ (thuộc lĩnh vực cấp phép xây dựng trễ hạn do thao tác trên phần mềm chậm, hồ sơ trả cho công dân đúng hạn).

+ Tổng số hồ sơ đang giải quyết: 1.350 hồ sơ (còn hạn: 1.350 hồ sơ, quá hạn 0 hồ sơ).

*** Cấp xã:**

+ Tổng số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong kỳ báo cáo: 6.498 hồ sơ. Trong đó: Tiếp nhận trực tiếp và qua BCCI trong kỳ: 297 hồ sơ; tiếp nhận trực tuyến: 6.002 hồ sơ; kỳ trước chuyển sang: 199 hồ sơ.

+ Tổng số hồ sơ đã giải quyết: 6.345 hồ sơ (trả trước và đúng hạn: 6.313 hồ sơ, trễ hạn: 02 hồ sơ (Hoài tân; 01 hồ sơ, Bồng Sơn: 01 hồ sơ: trễ hạn do thao tác trên phần mềm chậm, hồ sơ trả cho công dân đúng hạn).

+ Tổng số hồ sơ đang giải quyết: 153 hồ sơ (còn hạn: 153 hồ sơ, quá hạn 0 hồ sơ).

(Chi tiết đính kèm biểu số II.06a, II.06b/VPCP/KSTT)

7. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

Tiếp tục triển khai vận hành bộ phận một cửa thị xã và bộ một cửa các xã, phường theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, giúp cho việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông mang lại hiệu quả, làm thay đổi cơ bản mối quan hệ giữa chính quyền và người dân, tổ chức theo hướng xây dựng một nền hành chính hiện đại, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi đến giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

Chỉ đạo bộ phận một cửa các cấp thực hiện nghiêm quy định về bỏ các giấy tờ liên quan đến thông tin công dân trong công tác giải quyết thủ tục hành chính,

triển khai thực hiện việc khai thác định danh công dân từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khi tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính. Nghiêm cấm hành vi gây phiền hà, yêu cầu công dân xuất trình giấy xác nhận thông tin nơi cư trú và giấy tờ liên quan khác đối với các trường hợp thông tin công dân đã khai thác được từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc giải quyết thủ tục hành chính trên hệ thống phần mềm một cửa điện tử nhằm hạn chế thấp nhất tình trạng hồ sơ trễ hẹn. Trong quý III/2023 toàn thị xã có 03 hồ sơ trễ hẹn chiếm 0,048%.

8. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

Công tác triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến tiếp tục được quan tâm, chỉ đạo, đôn đốc thực hiện, nhất là đẩy mạnh việc tuyên truyền, hỗ trợ người dân nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán phí, lệ phí trực tuyến, chứng thực bản sao điện tử, trả hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích.

Kết quả: có 58/60 thủ tục trực tuyến toàn trình và trực tuyến một phần có phát sinh hồ sơ trực tuyến (tổng số thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công thủ tục trực tuyến toàn trình và trực tuyến một phần cả 02 cấp huyện và xã: 317 thủ tục nhưng chỉ có 60 thủ tục có phát sinh hồ sơ).

Tỉ lệ hồ sơ trực tuyến toàn thị xã đạt: 60,25% (có 7.799 hồ sơ nộp trực tuyến, trong tổng số 12.944 hồ sơ gồm cả trực tiếp và trực tuyến)

Tỉ lệ thanh toán phí, lệ phí trực tuyến đạt 78.56% (8.301 giao dịch trực tuyến với số tiền 513.030.002 đồng trên tổng 10.567 giao dịch với tổng số tiền 807.267.004 đồng).

Tỉ lệ số hóa thành phần hồ sơ thủ tục hành chính đạt 99,71%,

Tỉ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt : 94,93%,

Tỉ lệ khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đạt: 99,86%

(Chi tiết theo Phụ lục III)

9. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; xây dựng chuyên trang, chuyên mục, tin bài tuyên truyền về chủ trương, chính sách, pháp luật về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công của tỉnh, hướng dẫn quy trình thực hiện, cách thức nộp hồ sơ trực tuyến; thực hiện thanh toán trực tuyến đối với thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính và thực hiện cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính, thanh toán trực tuyến phí, lệ phí;

Thường xuyên phát các tin, bài liên quan đến lợi ích, thuận tiện và hiệu quả khi thực hiện TTHC trên hệ thống truyền thanh của thị xã và hình thức: pano, áp phích, khẩu hiệu tại UBND các xã, phường, công khai báo cáo tình hình, kết quả thực hiện hàng quý trên trang thông tin điện tử của thị xã.

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả phối hợp với Đoàn thanh niên xã, phường tổ chức các buổi tuyên truyền dịch vụ công trực tuyến, những lợi ích khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến, đăng ký tài khoản cho đoàn viên thanh niên, học sinh trên địa bàn.

10. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC

Trong Quý III-2023 chưa có nghiên cứu đề xuất sáng kiến cải cách hành chính. Tiếp tục nghiên cứu và phát huy những sáng kiến cải cách TTHC theo hướng đơn giản hóa các TTHC.

11. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC

Việc kiểm tra đánh giá công tác kiểm soát TTHC được thực hiện thường xuyên thông qua theo dõi, kết quả đạt được và những tồn tại hạn chế trong tháng, để chấn chỉnh kịp thời, theo đó yêu cầu các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, phường thực hiện nghiêm túc, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong việc giải quyết TTHC

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Nhìn chung, công tác kiểm soát TTHC quý III/2023 đã được các cơ quan, ban, ngành thị xã và UBND các xã, phường quan tâm, triển khai thực hiện đồng bộ, cơ bản đáp ứng yêu cầu chung của thị xã đem lại hiệu lực, hiệu quả trong công tác hoạt động quản lý hành chính của UBND thị xã, chất lượng phục vụ dịch vụ công ngày được nâng cao. Việc tuyên truyền thực hiện thủ tục hành chính được thường xuyên; việc chỉ đạo điều hành quyết liệt hơn, trách nhiệm của công chức, viên chức ngày càng cao hơn; công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên và đề ra nhiều giải pháp để khắc phục tình trạng hồ sơ giải quyết trễ hạn, tạo điều kiện thuận lợi, thông thoáng cho các cá nhân, tổ chức đến liên hệ làm việc, tạo sự hài lòng cho người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một tồn tại hạn chế, đó là:

Tình trạng hồ sơ đã giải quyết bị trễ hạn trên Phần mềm một cửa vẫn còn xảy ra do cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa kịp thời thao tác, cập nhật trên phần mềm, nhưng thực tế hồ sơ đã được giải quyết và trả đúng hạn.

Công tác tuyên truyền tuy đã được triển khai sâu rộng với nhiều hình thức khác nhau, nhưng tỷ lệ người dân tiếp cận, tự nộp hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến trên Cổng dịch vụ công của tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia chưa nhiều, hầu hết công chức phải hỗ trợ, giúp đỡ, tạo nên lực công việc rất lớn lên cán bộ công chức làm việc tại bộ phận một cửa các cấp.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

Để thực hiện tốt công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Trong thời gian đến, UBND thị xã tập trung vào các nội dung sau:

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về thực hiện thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến; dịch vụ bưu chính công ích; tiện ích thanh toán trực tuyến phí, lệ

phí, nghĩa vụ tài chính. Tăng cường phát sinh hồ sơ tiếp nhận trực tuyến, chứng thực bản sao điện tử. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, chủ động hướng dẫn tổ chức, cá nhân cách thức tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến đa dạng dưới nhiều hình thức. Phát huy hiệu quả hoạt động của đội thanh niên tình nguyện hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến, đăng ký mở tài khoản dịch vụ công quốc gia tại bộ phận một cửa thị xã và bộ phận một cửa các xã, phường.

Kiểm soát chặt chẽ quy trình giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức. Tăng cường công tác kiểm tra định kỳ việc thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC tại các bộ phận. Chú trọng triển khai bằng hình thức tự kiểm tra. Kịp thời xử lý các hành vi những nhiễu, gây phiền hà cho cá nhân, tổ chức trong giải quyết TTHC.

Tiếp tục chỉ đạo và triển khai thực hiện Quyết định 2679/QĐ-UBND ngày 20/07/2023 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu 05 nội dung liên quan đến dịch vụ công trực tuyến các tháng còn lại cuối năm 2023. Đồng thời triển khai, thực hiện tốt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025;

Công khai, minh bạch tất cả các loại thủ tục hành chính trên Cổng thông tin điện tử của và bộ phận một cửa thị xã và các xã, phường để người dân, doanh nghiệp thực hiện và giám sát; thực hiện khảo sát lấy ý kiến đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện dịch vụ hành chính công.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

Hiện nay tại cấp xã phát sinh 02 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đất đai, cụ thể: Thủ tục Xác nhận nhân khẩu tại thời điểm nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/NĐ-CP ngày 15/10/1993 và Xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp, theo Khoản 30 điều 3 Luật đất đai và Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. Đề xuất UBND tỉnh xem xét bổ sung nội dung này vào thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đất đai để có quy trình thực hiện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.

Trên đây là tình hình, kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quý III, năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian đến, UBND thị xã Hoài Nhơn kính báo cáo Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- VP UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc thị xã;
- UBND các xã, phường;
- LĐVP, BPMC; CV Quý (theo dõi);
- Trang thông tin điện tử;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Chung

Biểu số II.05a/VPCP/KSTT

**KẾT QUẢ XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ (PAKN)
VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH VÀ HÀNH VI HÀNH CHÍNH
TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

Kỳ báo cáo: Quý II, Năm 2023
(Từ ngày 15/6/2023 đến ngày 14/9/2023)

- Đơn vị báo cáo:
UBND thị xã Hoài Nhơn
- Đơn vị nhận báo cáo:
UBND tỉnh Bình Định
(Văn phòng UBND tỉnh).

Đơn vị tính: Số PAKN.

| STT | Tên ngành, lĩnh vực có PAKN | Số lượng PAKN được tiếp nhận | | | | | Kết quả xử lý PAKN | | | | | | | | | Số PAKN đã xử lý được đăng tải công khai |
|------------------|---|------------------------------|--------------------|---------------------|--------------------------|----------|------------------------|--------------------|---------------------|--------------------------|------------|----------------|--------------------|---------------------|----------|--|
| | | Tổng số | Theo nội dung | | Theo thời điểm tiếp nhận | | Đã xử lý | | | | Đang xử lý | | | | | |
| | | | Hành vi hành chính | Quy định hành chính | Từ kỳ trước | Trong kỳ | Tổng số | Theo nội dung | | Theo thời điểm tiếp nhận | | Tổng số | Hành vi hành chính | Quy định hành chính | | |
| | | | | | | | | Hành vi hành chính | Quy định hành chính | Từ kỳ trước | Trong kỳ | | | | | |
| (1) | (2) | (3)=(4)+(5)=(6)+(7) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8)=(9)+(10)=(11)+(12) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13)=(14)+(15) | (14) | (15) | (16) | |
| I | Tình hình, kết quả giải quyết PAKN thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND cấp Huyện | 1 | 1 | 0 | 0 | 1 | 1 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | |
| 1 | Đất đai (Bộ Tài nguyên và Môi trường) | 1 | 1 | 0 | 0 | 1 | 1 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | |
| II | Tình hình, kết quả giải quyết PAKN thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND cấp Xã | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| Tổng cộng | | 1 | 1 | 0 | 0 | 1 | 1 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | |

TÌNH HÌNH TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA UBND CẤP HUYỆN

Kỳ báo cáo: Quý II, Năm 2023
(Từ ngày 15/6./2023 đến ngày 14/9/2023)

- Đơn vị báo cáo:
UBND thị xã Hoài Nhơn
- Đơn vị nhận báo cáo:
UBND tỉnh Bình Định
(Văn phòng UBND tỉnh).

Đơn vị tính: hồ sơ TTHC.

| STT | Lĩnh vực giải quyết | Số lượng hồ sơ tiếp nhận | | | | Số lượng hồ sơ đã giải quyết | | | | Số lượng hồ sơ đang giải quyết | | |
|----------|--|--------------------------|--------------|------------------------------|-------------|------------------------------|---------------|----------|----------|--------------------------------|--------------|----------|
| | | Tổng số | Trong kỳ | | Từ kỳ trước | Tổng số | Trước hạn | Đúng hạn | Quá hạn | Tổng số | Trong hạn | Quá hạn |
| | | | Trực tuyến | Trực tiếp, dịch vụ bưu chính | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 |
| | Tổng cộng | 13.584 | 7.799 | 5.145 | 640 | 12.081 | 12.076 | 2 | 3 | 1.503 | 1.503 | 0 |
| I | TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp Huyện | 7.086 | 1.797 | 4.848 | 441 | 5.736 | 5.734 | 1 | 1 | 1.350 | 1.350 | 0 |
| 1 | Hộ tịch (Bộ Tư pháp) | 79 | 77 | 0 | 2 | 77 | 77 | 0 | 0 | 2 | 2 | 0 |
| 2 | An toàn thực phẩm | 19 | 12 | 0 | 7 | 12 | 12 | 0 | 0 | 7 | 7 | 0 |
| 3 | Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ) | 533 | 530 | 3 | 0 | 1 | 1 | 0 | 0 | 532 | 532 | 0 |
| 4 | Đăng ký biện pháp bảo đảm (Bộ Tư pháp) | 1.856 | 0 | 1.830 | 26 | 1.824 | 1.824 | 0 | 0 | 32 | 32 | 0 |
| 5 | Đất đai (Bộ Tài nguyên và Môi trường) | 3.735 | 788 | 2.602 | 345 | 3.014 | 3.013 | 1 | 0 | 721 | 721 | 0 |
| 6 | Quản lý chất lượng công trình xây dựng (Bộ Xây dựng) | 41 | 41 | 0 | 0 | 20 | 20 | 0 | 0 | 21 | 21 | 0 |
| 7 | Kinh doanh khí (Bộ Công Thương) | 6 | 6 | 0 | 0 | 1 | 1 | 0 | 0 | 5 | 5 | 0 |
| 8 | Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương) | 6 | 6 | 0 | 0 | 6 | 6 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 9 | Môi trường (Bộ Tài nguyên và Môi trường) | 4 | 1 | 3 | 0 | 2 | 2 | 0 | 0 | 2 | 2 | 0 |

| | | | | | | | | | | | | |
|-----------|---|--------------|--------------|------------|------------|--------------|--------------|----------|----------|------------|------------|----------|
| 10 | Người có công (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) | 7 | 0 | 7 | 0 | 6 | 6 | 0 | 0 | 1 | 1 | 0 |
| 11 | Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng) | 437 | 13 | 371 | 53 | 413 | 412 | 0 | 1 | 24 | 24 | 0 |
| 12 | Quy hoạch xây dựng, kiến trúc (Bộ XD) | 12 | 8 | 4 | 0 | 11 | 11 | 0 | 0 | 1 | 1 | 0 |
| 13 | Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) | 3 | 3 | 0 | 0 | 3 | 3 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 14 | Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) | 331 | 295 | 28 | 8 | 329 | 329 | 0 | 0 | 2 | 2 | 0 |
| 15 | Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ) | 10 | 10 | 0 | 0 | 10 | 10 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 16 | Thuế (Bộ Tài chính) | 3 | 3 | 0 | 0 | 3 | 3 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 17 | Tổ chức phi chính phủ (Bộ Nội vụ) | 4 | 4 | 0 | 0 | 4 | 4 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| II | TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp Xã | 6.498 | 6.002 | 297 | 199 | 6.345 | 6.342 | 1 | 2 | 153 | 153 | 0 |
| 1 | Hộ tịch (Bộ Tư pháp) | 4.882 | 4.832 | 26 | 24 | 4.871 | 4.868 | 1 | 2 | 11 | 11 | 0 |
| 2 | Bảo trợ xã hội (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) | 1.201 | 1.065 | 3 | 133 | 1.087 | 1.087 | 0 | 0 | 114 | 114 | 0 |
| 3 | Chứng thực (Bộ Tư pháp) | 153 | 84 | 69 | 0 | 153 | 153 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Đất đai (Bộ Tài nguyên và Môi trường) | 12 | 6 | 2 | 4 | 10 | 10 | 0 | 0 | 2 | 2 | 0 |
| 5 | Người có công (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) | 235 | 2 | 195 | 38 | 209 | 209 | 0 | 0 | 26 | 26 | 0 |
| 6 | Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp) | 2 | 0 | 2 | 0 | 2 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp) | 10 | 10 | 0 | 0 | 10 | 10 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 8 | Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ) | 3 | 3 | 0 | 0 | 3 | 3 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

Phụ lục 3: TỔNG HỢP CÁC CHỈ SỐ TỪ NGÀY 15-06-2023 ĐẾN NGÀY 14-9-2023

| STT | Đơn vị | Tổng hồ sơ | Hồ sơ kỳ trước chuyển sang | Tổng hồ sơ tiếp nhận kỳ này | Hồ sơ có tài khoản DVCQG | Trong đó | | | | Tỷ lệ số hóa TPMS (%) (Chỉ tiêu 70%) | Tổng số hồ sơ đã giải quyết | Hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn | Hồ sơ giải quyết trễ hạn | Trong đó | | | Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến (%) / (Chỉ tiêu 2023 50%) | Tỷ lệ thanh toán trực tuyến (tính giao 2023: 35%) | Tỷ lệ khai thác CSDLQG về DC (Chỉ tiêu 100%) | Chứng thực điện tử |
|-----|-----------------------------|---------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------------|-----------------------------|------------------------------|-------------------------------------|--------------|--------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------|--------------------------|--|--------------------|--------------|--|---|--|--------------------|
| | | | | | | Hồ sơ tiếp nhận (trực tiếp) | Hồ sơ tiếp nhận (trực tuyến) | Số hóa thành phần hồ sơ (trực tiếp) | | | | | | Hồ sơ số hóa kết quả (%) (Chỉ tiêu 100%) | | | | | | |
| | | | | | | | | Một phần | Toàn bộ | | | | | | | | | | | |
| (1) | (2) | | | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9)= (6+7+8) /(3) | (10) | | | (11) | (12)= (11)/(10) | (13) =6/3 | | | | |
| | Cấp huyện | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | UBND thị xã Hoài Nhơn | 7.086 | 441 | 6645 | 4900 | 4848 | 1797 | 0 | 4833 | 99,8 | 5736 | 5735 | 1 | 5174 | 90,2 | 27,04 | 65,58 | 99,9 | 0 | |
| | Cấp xã | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | UBND phường Bồng Sơn | 514 | 9 | 505 | 495 | 7 | 498 | 0 | 7 | 100 | 512 | 511 | 1 | 501 | 97,9 | 98,61 | 100 | 100 | 609 | |
| 2 | UBND phường Hoài Đức | 389 | 1 | 388 | 388 | 2 | 386 | 0 | 2 | 100 | 388 | 388 | | 387 | 99,7 | 99,48 | 95,87 | 100 | 130 | |
| 3 | UBND phường Hoài Hào | 292 | 14 | 278 | 276 | 12 | 266 | 7 | 5 | 100 | 270 | 270 | | 270 | 100 | 95,68 | 97,25 | 100 | 115 | |
| 4 | UBND phường Hoài Hương | 376 | 6 | 370 | 332 | 21 | 349 | 0 | 21 | 100 | 376 | 376 | | 372 | 98,9 | 94,32 | 99,26 | 100 | 222 | |
| 5 | UBND phường Hoài Tân | 1.229 | 5 | 1224 | 1223 | 4 | 1220 | 0 | 4 | 100 | 1220 | 1219 | 1 | 1208 | 99 | 99,67 | 98,55 | 100 | 447 | |
| 6 | UBND phường Hoài Thanh | 396 | 30 | 366 | 357 | 18 | 348 | 12 | 6 | 100 | 366 | 366 | | 366 | 100 | 95,08 | 87,32 | 100 | 4 | |
| 7 | UBND phường Hoài Thanh Tây | 374 | 9 | 365 | 308 | 13 | 352 | 0 | 5 | 97,8 | 374 | 374 | | 374 | 100 | 96,44 | 88,18 | 100 | 479 | |
| 8 | UBND phường Hoài Xuân | 223 | 3 | 220 | 218 | 8 | 212 | 0 | 8 | 100 | 221 | 221 | | 220 | 99,5 | 96,36 | 100 | 100 | 36 | |
| 9 | UBND phường Tam Quan | 428 | 14 | 414 | 412 | 7 | 407 | 1 | 6 | 100 | 408 | 408 | | 407 | 99,8 | 98,31 | 100 | 100 | 190 | |
| 10 | UBND phường Tam Quan Bắc | 349 | 33 | 316 | 289 | 41 | 275 | 8 | 31 | 99,4 | 327 | 327 | | 325 | 99,4 | 87,03 | 81,68 | 100 | 50 | |
| 11 | UBND phường Tam Quan Nam | 303 | 1 | 302 | 292 | 29 | 273 | 8 | 19 | 99,3 | 301 | 301 | | 298 | 99 | 90,40 | 91,67 | 98,6 | 208 | |
| 12 | UBND xã Hoài Châu | 300 | 29 | 271 | 264 | 18 | 253 | 2 | 15 | 99,6 | 281 | 281 | | 279 | 99,3 | 93,36 | 96,75 | 98,5 | 221 | |
| 13 | UBND xã Hoài Châu Bắc | 364 | 1 | 363 | 362 | 68 | 295 | 2 | 66 | 100 | 362 | 362 | | 362 | 100 | 81,27 | 89,93 | 100 | 215 | |
| 14 | UBND xã Hoài Hải | 178 | 3 | 175 | 147 | 8 | 167 | 2 | 4 | 98,9 | 178 | 178 | | 178 | 100 | 95,43 | 86,92 | 100 | 0 | |
| 15 | UBND xã Hoài Mỹ | 290 | 21 | 269 | 265 | 20 | 249 | 0 | 13 | 97,4 | 275 | 275 | | 266 | 96,7 | 92,57 | 95,93 | 99,6 | 0 | |
| 16 | UBND xã Hoài Phú | 199 | 3 | 196 | 134 | 7 | 189 | 1 | 6 | 100 | 199 | 199 | | 196 | 98,5 | 96,43 | 100 | 100 | 7 | |
| 17 | UBND xã Hoài Sơn | 294 | 17 | 277 | 274 | 14 | 263 | 6 | 8 | 100 | 287 | 287 | | 285 | 99,3 | 94,95 | 100 | 100 | 22 | |
| | Tổng số cấp xã | 6.498 | 199 | 6.299 | 6.036 | 297 | 6.002 | 49 | 226 | 99,65 | 6.345 | 6.343 | 2 | 6.294 | 99,20 | 95,28 | 95,43 | 99,85 | 2955 | |
| ∑ | Tổng cấp huyện và xã | 13.584 | 640 | 12.944 | 10.936 | 5.145 | 7.799 | 49 | 5.059 | 99,71 | 12.081 | 12.078 | 3 | 11.468 | 94,93 | 60,25 | 78,56 | 99,86 | 2955 | |